

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

9. Số báo danh

10. Mã đề thi

--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9



Giám thị 1: Họ và tên:..... Chữ ký:.....
Giám thị 2: Họ và tên:..... Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....
2. Hội đồng coi thi :.....
3. Phòng thi:.....
4. Họ và tên thí sinh:.....
.....
5. Ngày sinh:...../...../.....
6. Chữ ký của thí sinh:.....
7. Bài thi:.....
8. Ngày thi:...../...../.....

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.
Phản trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

- 01 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 02 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D
- 03 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
- 04 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
- 05 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
- 06 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
- 07 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
- 08 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
- 09 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 10 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 11 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 12 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D

- 13 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 14 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
- 15 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
- 16 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
- 17 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
- 18 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 19 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 20 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 21 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D
- 22 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D
- 23 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D
- 24 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D

- 25 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D ☒
- 26 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D ☒
- 27 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D ☒
- 28 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D ☒
- 29 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D ☒
- 30 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D ☒
- 31 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D ☒
- 32 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D ☒
- 33 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D ☒
- 34 ☐ A ☐ B ☐ C ☒ D ☒
- 35 ☒ A ☐ B ☐ C ☐ D ☒